

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI L  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Ph

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ch

**- Thư ký Tòa án:** Bà Lê Thị Nguyệt S, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Trúc Qu, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/ QĐHPT-HNGĐ ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị B

Địa chỉ: Thôn An T, Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Quang Th (*Trần Văn TH*), (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn An T, Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:*

1. Về hôn nhân:

Bà Lê Thị **B** và ông Trần Quang Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Đại A, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam.

Bà và ông Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th uống rượu về đánh đập bà. Bà và ông Th sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay.

Nay bà **B** thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà **B** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Trần Quang Th (bị đơn) ngày 28/02/2022 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 24 tháng 02 năm 2022, ông Th khai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng ông vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Bà B và ông Th thống nhất khai vợ chồng có 06 con chung:

- 1/ Trần Ngọc H, sinh ngày 16/4/ 1995;
- 2/ Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 30/6/1997;
- 3/ Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2000;
- 4/ Trần Thị Ngọc Th, sinh ngày 08/11/ 2002;
- 5/ Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 24/5/ 2005;
- 6/ Trần Lê Quang Đ, sinh ngày 11/11/ 2012;

Nay ly hôn bà B và ông Th thống nhất giao cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 24/5/2005 và Trần Lê Quang Đ, sinh ngày 11/11/ 2012 cho ông Trần Quang Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng 2 đứa cho cháu Liễu, cháu Đại mỗi tháng 3.000.000 đồng (*mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng*). Đối với các cháu S, M, H, Th đã đủ tuổi nên không đề nghị Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết.

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Lê Thị B đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Trần Quang Th tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự .

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B và ông Th đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà B, xử cho bà B được ly hôn với ông Th.

- *Về con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng con chung của bà B và ông Th là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Bà B và ông Th thỏa thuận tự giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\*Về tố tụng:* Tại hồ sơ vụ án Ông Trần Quang Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các B đương sự.

**\*Về nội dung:**

1. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Th là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai Bn không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng bà B vẫn kiên quyết ly hôn. Bà B và ông Th không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2. *Về con chung:* Xét nguyện vọng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà B và ông Th là phù hợp, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

3. *Về tài sản chung:* Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Trần Quang Th.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Trần Quang Th.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Thị Ngọc Liễu, sinh ngày 24/5/2005 và Trần Lê Quang Đại, sinh ngày 11/11/ 2012 cho ông Trần Quang Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Liễu, Đại đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Liễu, cháu Đại mỗi tháng 3.000.000 đồng ( mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng) cho đến khi cháu Liễu, cháu Đại đủ 18 tuổi.

*“Kể từ ngày ông Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B không thực hiện số tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hằng tháng bà B còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/năm.*

Bà B có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi Bn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003636 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các CQ THTT;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại H;
- UBND xã Đại H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Ph**